

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 5 - 2022

*Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con và cấp dưỡng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Dương Thị D, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 101 ấp P, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Anh Thạch T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 167 ấp P, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Người tham gia tố tụng khác:* Ông Lâm Diệp P là cán bộ UBND Phường A, thị xã Vĩnh Châu; là người phiên dịch tiếng Khmer (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Dương Thị D trình bày:

Chị Dương Thị D kết hôn với anh Thạch T, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 (hai) con chung là cháu Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, không hợp tính tình nên thường tranh chấp cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị Dương Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T.
- Về con chung: Chị Dương Thị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Ph và cháu H.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Dương Thị D yêu cầu anh Thạch T cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 đến khi cháu H đủ 18 tuổi, cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Riêng cháu Ph thì chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Ph.
- Về tài sản chung: Chị Dương Thị D khẳng định tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Dương Thị D khẳng định nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D cũng trình bày gia đình chị không thuộc đối tượng có công với cách mạng, gia đình Liệt sĩ; không thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Chứng cứ do chị D giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Thạch Thị Quế Ph và cháu Thạch Minh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn

Thạch T trình bày: Anh T và chị Dương Thị D tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn đúng như chị D trình bày. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 02 (hai) con chung là Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng tranh chấp cãi vã nên không còn sống chung từ năm 2019 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch T không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị D vì còn thương vợ.

- Về con chung: Anh Thạch T đồng ý giao cho chị Dương Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Ph và cháu H.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Thạch T khẳng định tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Thạch T khẳng định vợ chồng có nợ nhưng anh T sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi Tòa án giải quyết vụ án này.

Anh T cũng trình bày gia đình anh không thuộc đối tượng có công với cách mạng, gia đình Liệt sĩ; không thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh Thạch T, giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung theo nguyện vọng của con, anh Thạch T phải cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu H thành niên; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Thạch T và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị D được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Thạch Thị Quế Ph và cháu Thạch Minh H cũng như lời thừa nhận của hai bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị D và anh T về việc kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2004 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị D và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị D và anh T không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị D và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Ph và cháu H đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng muốn sống với mẹ và hiện đang sống với mẹ như vậy chị D đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh T, suốt thời gian chị D nuôi con, anh T đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh T đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên.

Mặc khác, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 đến khi các con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị D nuôi dưỡng hai con được tốt hơn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên việc chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu H thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng đối với cháu Ph, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Ph nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự khẳng định tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Thạch T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị D được ly hôn với anh Thạch T.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Dương Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Thạch Thị Quế Ph (nữ) sinh ngày 04/12/2004 và Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 đến khi cháu Ph và cháu H thành niên, lao động được.

Trong thời gian chị Dương Thị D nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Thạch T phải cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Minh H (nam) sinh ngày 21/11/2014 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu H thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của anh T được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Riêng đối với cháu Ph, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Ph nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Ph và cháu H, chị D có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh T có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị D phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002216 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Thạch T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU